

BÀI 2: TỈ LỆ BẢN ĐỒ

- Câu 1. Tỉ lệ bản đồ cho biết điều gì?
 A. Diện tích thực tế của một quốc gia trên bản đồ.
 B. Khoảng cách trên bản đồ nhỏ hơn khoảng cách thực tế ngoài thực địa bao nhiêu lần.
 C. Độ cao của các địa hình so với mực nước biển trung bình.
 D. Hướng đi từ điểm này sang điểm khác trên bản đồ.
- Câu 2. Tỉ lệ bản đồ thường được thể hiện dưới mấy dạng chính?
 A. 1 dạng (Tỉ lệ số).
 B. 2 dạng (Tỉ lệ số và tỉ lệ thước).
 C. 3 dạng (Tỉ lệ số, tỉ lệ thước và chữ viết).
 D. 4 dạng.
- Câu 3. Cho tỉ lệ số trên bản đồ là 1:100.000, điều đó có nghĩa là:
 A. 1 cm trên bản đồ ứng với 100.000 cm (1 km) ngoài thực tế.
 B. 1 cm trên bản đồ ứng với 100 m ngoài thực tế.
 C. 1 cm trên bản đồ ứng với 10.000 cm ngoài thực tế.
 D. 1 cm trên bản đồ ứng với 10 km ngoài thực tế.
- Câu 4. Trong các tỉ lệ bản đồ sau, bản đồ nào là bản đồ có tỉ lệ lớn nhất?
 A. 1:1.000.000
 B. 1:500.000
 C. 1:50.000
 D. 1:5.000
- Câu 5. Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ thì:
 A. Mức độ chi tiết của các đối tượng càng ít (khả quát cao).
 B. Diện tích khu vực thể hiện càng nhỏ.
 C. Độ chính xác về khoảng cách càng cao.
 D. Khoảng cách giữa các đường kinh vĩ tuyến càng dày.
- Câu 6. Khi đổi từ đơn vị xăng-ti-mét (cm) sang ki-lô-mét (km) trong tính toán tỉ lệ bản đồ, ta phải chia cho số nào sau đây?
 A. 100
 B. 1.000
 C. 10.000
 D. 100.000
- Câu 7. Bản đồ dùng để vẽ sơ đồ một lớp học hoặc khuôn viên trường học thường sử dụng tỉ lệ nào sau đây?
 A. Tỉ lệ rất nhỏ (1:1.000.000).
 B. Tỉ lệ nhỏ (1:100.000).
 C. Tỉ lệ trung bình (1:25.000).
 D. Tỉ lệ lớn (1:500 hoặc 1:1.000).
- Câu 8. Khi đo khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ có tỉ lệ 1:200.000 thu được kết quả là 3 cm. Khoảng cách thực tế ngoài thực địa giữa hai điểm đó là:
 A. 3 km.
 B. 6 km.
 C. 60 km.
 D. 0,6 km.
- Câu 9. Phát biểu nào sau đây là đúng khi so sánh bản đồ tỉ lệ lớn và bản đồ tỉ lệ nhỏ?
 A. Bản đồ tỉ lệ lớn thể hiện khu vực rộng lớn hơn bản đồ tỉ lệ nhỏ.
 B. Mẫu số của tỉ lệ bản đồ càng lớn thì tỉ lệ đó càng lớn.
 C. Bản đồ tỉ lệ lớn thể hiện các đối tượng địa lí chi tiết hơn bản đồ tỉ lệ nhỏ.
 D. Cả hai loại bản đồ đều có mức độ chi tiết và diện tích thể hiện như nhau.
- Câu 10. Nếu khoảng cách thực tế giữa hai điểm là 15 km, và bản đồ sử dụng tỉ lệ 1:500.000, thì khoảng cách đo được trên bản đồ là bao nhiêu?
 A. 3 cm.
 B. 30 cm.
 C. 0,3 cm.
 D. 15 cm.
- Câu 11. Ý nghĩa chính của tỉ lệ thước trên bản đồ là gì?
 A. Giúp đo trực tiếp khoảng cách trên bản đồ mà không cần phải tính toán đổi đơn vị phức tạp.
 B. Giúp xác định hướng chính xác của đối tượng.
 C. Để trang trí cho bản đồ sinh động hơn.
 D. Xác định chính xác tọa độ địa lí của một điểm bất kì.
- Câu 12. Trên bản đồ Việt Nam có tỉ lệ 1:9.000.000, khoảng cách từ Thủ đô Hà Nội đến thành phố Hải Phòng đo được là 1,1 cm. Khoảng cách thực tế giữa hai thành phố này là khoảng bao nhiêu ki-lô-mét (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)?
 A. 99,0 km.
 B. 9,9 km.
 C. 990 km.
 D. 99,5 km.
- Câu 13. Một học sinh đo khoảng cách giữa hai điểm M và N trên bản đồ có tỉ lệ số 1:25.000 là 8 cm. Khoảng cách thực tế ngoài thực địa tính bằng mét là:
 A. 200 m.
 B. 2.000 m.
 C. 20.000 m.
 D. 200.000 m.
- Câu 14. Nếu bản đồ được phóng to gấp đôi so với bản đồ ban đầu (tỉ lệ ban đầu là 1:50.000), thì tỉ lệ mới của bản đồ sẽ là:
 A. 1:100.000
 B. 1:25.000
 C. 1:50.000
 D. 1:10.000
- Câu 15. Khoảng cách giữa hai điểm A và B ngoài thực địa là 12 km. Trên bản đồ, khoảng cách đó được thể hiện bằng 4 cm. Tỉ lệ của bản đồ này là:
 A. 1:300.000
 B. 1:30.000
 C. 1:1.200.000
 D. 1:400.000

CAU HOI GOI Y ON TAP GIUA KI I - PHAN MON DIA LI LOP 6

BÀI 1: HỆ THỐNG KINH TUYẾN, Vĩ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ

Câu 1. Các đường kinh tuyến vẽ trên quả Địa Cầu là những đường:

- A. Nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam.
- B. Vòng tròn đồng tâm và song song với Xích đạo.
- C. Vuông góc với các đường kinh tuyến tại mọi điểm.
- D. Chia mặt đất thành hai nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam.

Câu 2. Đường kinh tuyến gốc (kinh tuyến 0 độ) là đường kinh tuyến đi qua đại thiên văn nào?

- A. Per-sei (Pháp).
- B. Grin-uych (Anh).
- C. Oát-sinh-tom (Mỹ).
- D. Mát-xơ-va (Nga).

Câu 3. Vĩ tuyến 0 độ được gọi là:

- A. Kinh tuyến gốc.
- B. Xích đạo.
- C. Chí tuyến Bắc.
- D. Vòng cực Nam.

Câu 4. Nửa cầu nằm phía trên Xích đạo (từ Xích đạo đến cực Bắc) được gọi là:

- A. Nửa cầu Bắc.
- B. Nửa cầu Nam.
- C. Nửa cầu Đông.
- D. Nửa cầu Tây.

Câu 5. Tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ được xác định bằng:

- A. Khoảng cách tính bằng ki-lô-mét từ điểm đó đến bờ biển gần nhất.
- B. Kinh độ và vĩ độ của điểm đó.
- C. Góc phương vị và độ cao tuyệt đối của điểm đó.
- D. Hướng đi từ điểm đó đến các điểm cực của đất nước.

Câu 6. Khi viết tọa độ địa lí của một điểm, quy tắc sắp xếp nào sau đây là đúng?

- A. Viết kinh độ trước, vĩ độ sau.
- B. Viết vĩ độ trước, kinh độ sau.
- C. Viết tên bán cầu trước, số độ sau.
- D. Viết tên nước trước, tọa độ sau.

Câu 7. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc (0 độ) trên quả Địa Cầu là:

- A. Kinh tuyến 90 độ Đ.
- B. Kinh tuyến 90 độ T.
- C. Kinh tuyến 180 độ.
- D. Kinh tuyến 20 độ T.

Câu 8. Nhận định nào sau đây không đúng khi so sánh kinh tuyến và vĩ tuyến?

- A. Các đường kinh tuyến đều có độ dài bằng nhau.
- B. Các đường vĩ tuyến đều có độ dài bằng nhau.
- C. Kinh tuyến gốc và kinh tuyến 180 độ chia Trái Đất thành hai nửa cầu Đông và Tây.
- D. Xích đạo là đường vĩ tuyến dài nhất.

Câu 9. Nếu đứng ở cực Nam và nhìn về phía Xích đạo thì hướng trước mặt bạn là hướng nào?

- A. Hướng Bắc.
- B. Hướng Nam.
- C. Hướng Đông.
- D. Hướng Tây.

Câu 10. Khoảng cách về số độ từ vĩ tuyến 0 độ (Xích đạo) đến chí tuyến Bắc là bao nhiêu độ?

- A. 0°.
- B. 23° 27 phút.
- C. 66° 33 phút.
- D. 90°.

Câu 11. Trục của quả Địa Cầu nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc là bao nhiêu?

- A. 0°.
- B. 23° 27 phút.
- C. 66° 33 phút.
- D. 90°.

Câu 12. Cho điểm M nằm trên kinh tuyến 120° Đ và vĩ độ 15 độ B. Cách viết tọa độ địa lí của điểm M theo đúng chuẩn quy ước SGK Kết nối tri thức là:

- A. M (120° Đ, 15° B)
- B. M (15° B, 120° Đ)
- C. M (120° B, 15° Đ)
- D. M (15° Đ, 120° B)

Câu 13. Dựa vào hệ thống tọa độ địa lí, nếu một tàu cứu hộ nhận được tín hiệu từ một vùng biển có tọa độ N (10°N, 106°Đ), tàu đó đang nằm ở khu vực thuộc:

- A. Nửa cầu Bắc và nửa cầu Đông.
- B. Nửa cầu Nam và nửa cầu Tây.
- C. Nửa cầu Bắc và nửa cầu Tây.
- D. Nửa cầu Nam và nửa cầu Đông.

Câu 14. Một địa điểm A nằm ở phía Tây của kinh tuyến gốc và phía Nam của Xích đạo. Tọa độ của điểm A có kí hiệu chữ cái đi kèm đúng là:

- A. Kinh độ Đông (Đ), Vĩ độ Bắc (B).
- B. Kinh độ Tây (T), Vĩ độ Nam (N).
- C. Kinh độ Đông (Đ), Vĩ độ Nam (N).
- D. Kinh độ Tây (T), Vĩ độ Bắc (B).

Câu 15. Cho biết tọa độ của 4 điểm trên bản đồ:

- Điểm 1: A (10°B, 20°Đ)
- Điểm 2: B (20°Đ, 10°B)
- Điểm 3: C (30°N, 40°T)
- Điểm 4: D (40°T, 30°N)

Điểm nào có cách viết tọa độ địa lí đúng?

- A. Điểm 1 và Điểm 3.
- B. Điểm 2 và Điểm 4.
- C. Điểm 1 và Điểm 4.
- D. Cả 4 điểm đều viết đúng.